

Số: /2025/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo)

## QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH 15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của

ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 8 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Số điểm</b>	<b>Số lượng (ha)</b>	<b>Tổng số điểm</b>
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	0,004 X a
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	0,004 X b
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	0,016 X c

4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	0,1 X d
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	đ	0,3 X đ
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	e	0,12 X e
<b>Tổng cộng điểm</b>		-	-	$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ, e) căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương và số liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không quá 20% tổng vốn phân bổ cho Tiêu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 25%; phân bổ cho Sở Công Thương không quá 20%; phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã không quá 5%; phân bổ cho Tỉnh Đoàn không quá 5%, phân bổ cho Hội Nông dân tỉnh không quá 5% của Nội dung 3;

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), thôn/làng ĐBKK

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)	28	a	28 X a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)	5	b	5 X b
<b>Tổng cộng điểm</b>				$A_{k,i}$

Nhóm tiêu chí ưu tiên

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	a	0,15 X a
<b>Tổng cộng điểm</b>				$B_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định: xã ĐBKK xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-

TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

Tổng số điểm  $X_{k,i}$  của huyện thứ k được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí:  $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i}$

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

“2. Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc bằng 80% tổng vốn phân bổ cho Tiêu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo 100% tổng số vốn sự nghiệp của Nội dung 1;

+ Phân bổ cho các huyện: Không.

- Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học bằng 20% tổng vốn phân bổ cho Tiêu dự án 2, cụ thể:

+ Phân bổ cho các sở, ban, ngành: Không;

+ Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đào tạo đại học	1,6	a	1,6 X a
2	Mỗi huyện đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ	16,5	b	16,5 X b
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có), huyện thụ hưởng chương trình.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 10 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp của Tiêu dự án 3. Trong đó, Phân bổ cho Sở Nội vụ không quá 30% và

phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 30%.

- Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 X a
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quy định kèm theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 4.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã ATK thuộc khu vực II, I ( <i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu CT135</i> )	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III ( <i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i> )	1,5	b	1,5 x b
<b>Tổng cộng điểm (1+2)</b>				

Số lượng (a, b) được xác định như sau: Xã ĐBKK được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ cho Sở Văn hoá, Thể thao và Sở Du lịch không quá 30% tổng số vốn đầu tư của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu.	7	a	7 X a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.	60	b	60 X b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	2	c	2 X c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch.	60	d	60 X d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	60	đ	60 X đ
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d, đ) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

## 2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm của các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số cho mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10	a	10 X a
2	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi làng văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các dân tộc thiểu số...)	3,5	b	3,5 X b

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
3	Hỗ trợ môi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	c	0,6 X c
4	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...)	2	d	2 X d
5	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	đ	0,5 X đ
6	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số	20	e	20 X e
7	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số	10	g	10 X g
8	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	3	h	3 X h
9	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	0,3	i	0,3 X i
10	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số	0,3	k	0,3 X k
11	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số	5	l	5 X l
<b>Tổng cộng điểm</b>				<b>X<sub>k,i</sub></b>

Số lượng (a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đã được tổng hợp, rà soát.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

- Phân bổ cho Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 30% tổng số vốn sự nghiệp  
Tiểu dự án 2;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 X a

2	Mỗi xã khu vực I	1	b	1 X b
3	Mỗi xã khu vực II	1,5	c	1,5 X c
4	Mỗi xã khu vực III	3	d	3 X d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	đ	2 X đ
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Tỷ lệ tạo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết (a) của huyện căn cứ số liệu điều tra thống kê thực trạng Kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

Xã khu vực I, II, III (b, c, d) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Số mô hình thực hiện (đ) là 20% của tổng số xã khu vực III, khu vực II của huyện được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 15 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

**b) Phân bổ vốn sự nghiệp**

- Phân bổ vốn cho Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tư pháp và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 45% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 1. Trong đó, Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 35%, Sở Tư pháp không quá 05%, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 05%;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 X a
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Số lượng (a) xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

9. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 15 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

**“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:**

- Phân bổ vốn cho Sở Dân tộc và Tôn giáo, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ không quá 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2. Trong đó, Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 20%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Khoa học và Công nghệ không quá 15%;

- Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:



TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
<b>Tổng cộng điểm</b>				$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) được xác định theo: xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 15 Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022, như sau:

“b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3. Trong đó: Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 26%; Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Tài chính, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh mỗi đơn vị không quá 03%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 04%; Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân tỉnh mỗi đơn vị không quá 02%.

Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã khu vực I	1	c	1 x c
<b>Tổng cộng điểm (1+2+3)</b>				

Số lượng (a, b, c) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có)”.  
**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ... năm 2025.

2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện: An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân và Tây Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021-2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện: AL, VT, VC, HẢ, TS;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP TH;
- Lưu: VT, K2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**